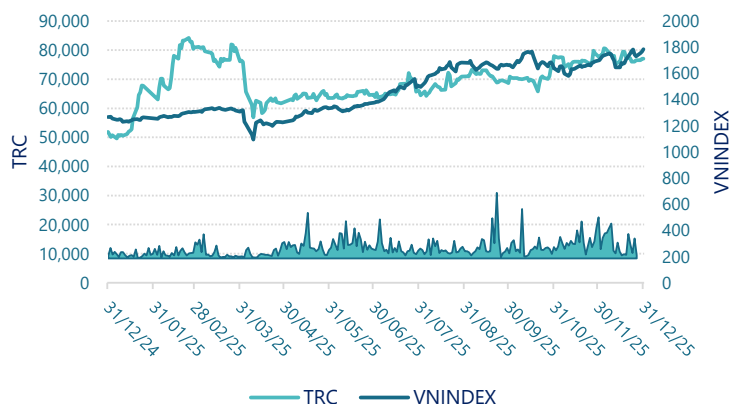


CTCP Cao su Tây Ninh (HSX: TRC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	77,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	84,196
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	49,612
SL cổ phiếu LH	30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	70,425
% sở hữu nước ngoài	2.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,310
P/E	8.9
EPS	8,669

DT thuần

Q4/25

246

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.00 | 3.1%

YoY: ▼ 50.0 | -16.8%

LN sau thuế

Q4/25

37.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 79.5 | -68.0%

YoY: ▼ 82.5 | -68.8%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

33.9%

+/- YoY: ▼ 0.1%

DT thuần

2025

844

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 100 | 13.4%

LN sau thuế

2025

260

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 39.0 | 17.5%

ROE

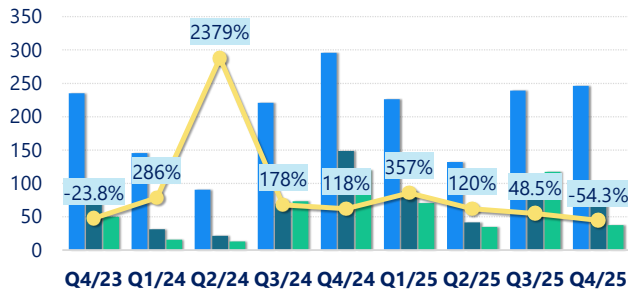
2025

13.1%

+/- YoY: ▲ 0.6%

tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

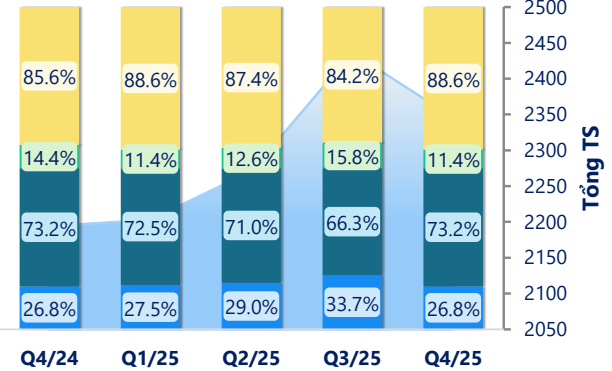


Doanh thu thuần
Lợi nhuận gộp
Lợi nhuận sau thuế
Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

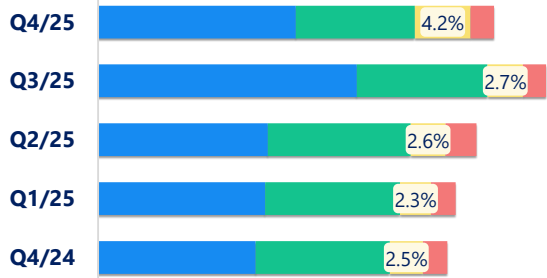
tỷ VNĐ



Tổng tài sản
Tài sản ngắn hạn
Tài sản dài hạn
Nợ phải trả
Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

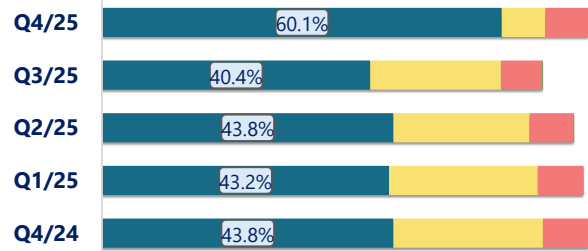
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Tiền và TĐ tiền
Phải thu ngắn hạn
Đầu tư TC ngắn hạn
Hàng tồn kho
TSNH khác

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

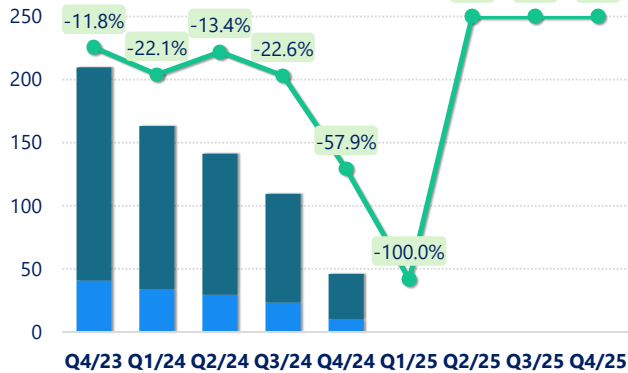


Phải thu dài hạn
Tài sản cố định
Bất động sản đầu tư
Tài sản dài hạn khác
Đầu tư tài chính dài hạn
Lợi thế thương mại

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Nợ vay

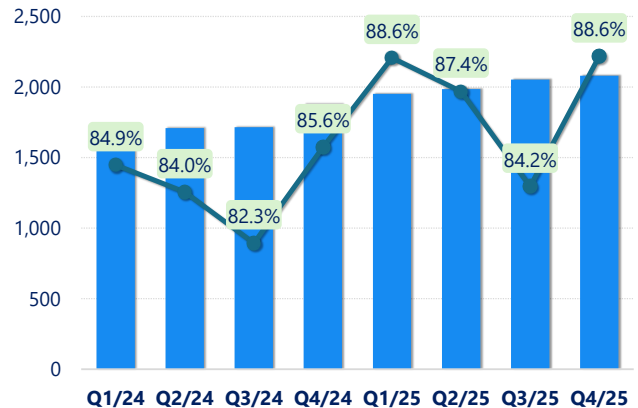


Vay và nợ thuê ngắn hạn
Vay và nợ thuê dài hạn
Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

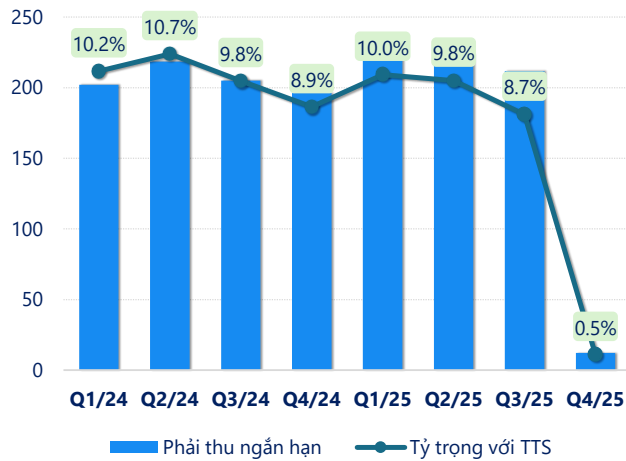
Vốn chủ sở hữu



Vốn chủ sở hữu
Tỷ trọng với TTS

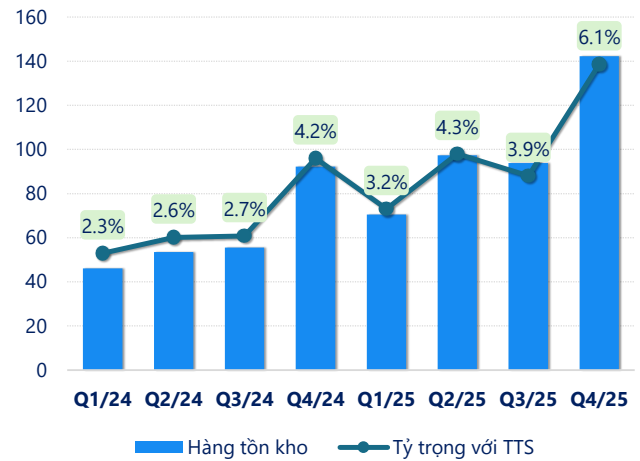
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


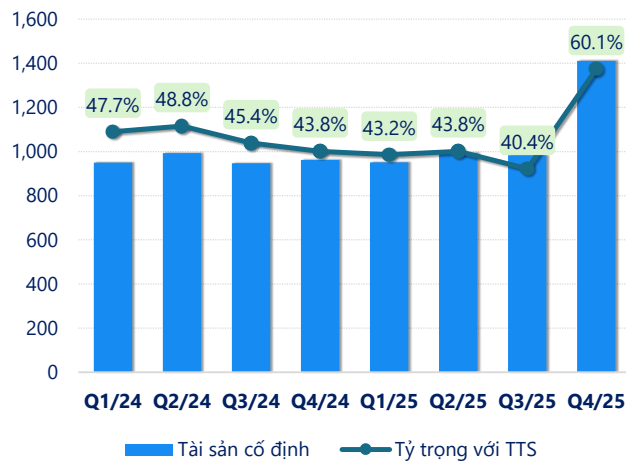
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


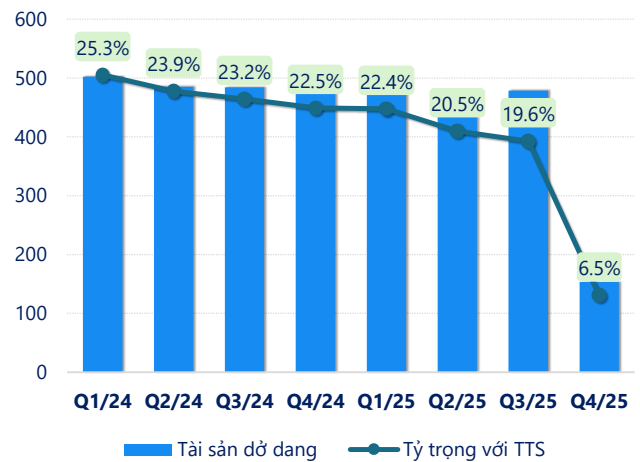
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

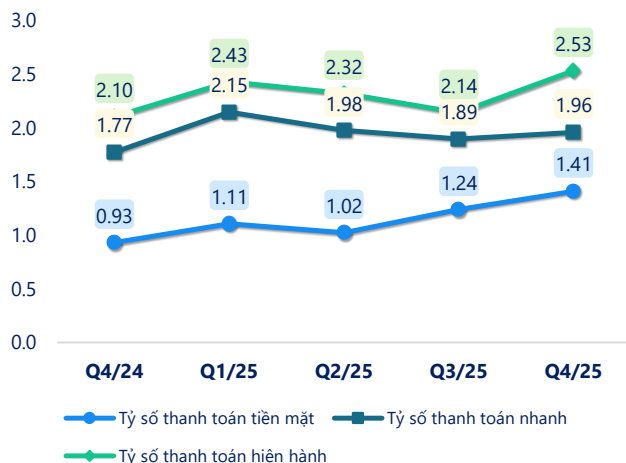
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

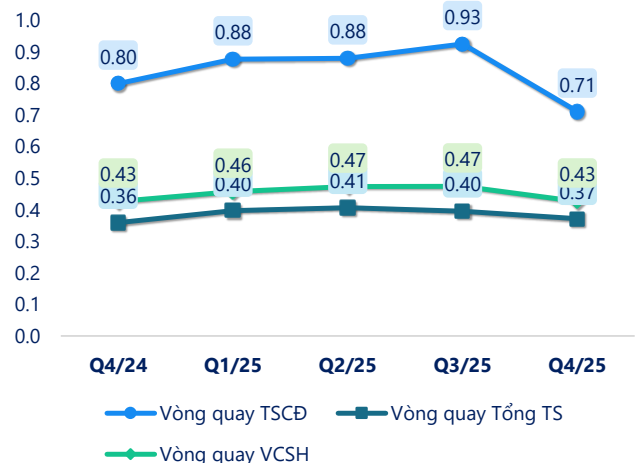
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	2,194	2,203	2,271	2,436	2,346
Tài sản ngắn hạn	587	607	658	820	628
Tiền và tương đương tiền	260	277	290	474	349
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	78.0
Phải thu ngắn hạn	196	221	224	212	12.3
Hàng tồn kho	92.2	70.4	97.4	93.9	142
Tài sản ngắn hạn khác	38.9	38.3	47.1	40.2	45.9
Tài sản dài hạn	1,606	1,596	1,613	1,616	1,718
Phải thu dài hạn	0.58	0.58	0.59	0.60	0.59
Tài sản cố định	961	951	995	983	1,411
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	493	493	465	478	153
Đầu tư tài chính dài hạn	150	151	151	152	152
Tài sản dài hạn khác	1.25	1.05	1.45	1.93	1.64
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	317	251	285	385	266
Nợ ngắn hạn	279	250	284	383	248
Vay và nợ thuê ngắn hạn	9.80	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	1.95	8.86	27.9	17.5	2.19
Nợ dài hạn	37.5	1.32	1.32	1.32	18.5
Vay và nợ thuê dài hạn	36.2	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,877	1,952	1,986	2,052	2,079
Vốn chủ sở hữu	1,877	1,952	1,986	2,052	2,079
Vốn điều lệ	300	300	300	300	300
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)